

Số: 288/TTr-HĐQT

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 05 năm 2026

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
DN: C=VN, S=THANH HÓA,
L=HAC THÀNH, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:2000219549
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.06.02 16:20:51+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025, số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 39/2025/QĐ-HĐQT ngày 16/6/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ 13/NĐ-HĐQT ngày 24/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được “Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (iCPA)” kiểm toán năm 2025, bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 (Mẫu số B01-DN);
- Báo cáo kết quả HĐKD năm 2025 (Mẫu số B02-DN);
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2025 (Mẫu số B03-DN).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính./.

(Có các mẫu số B01-DN; B02-DN; B03-DN kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Thế Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.079.687.036	96.516.546.779
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.299.239.766	45.366.481.134
1. Tiền	111		2.060.098.909	2.653.134.818
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.239.140.857	42.713.346.316
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.091.107.731	27.537.099.565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	24.981.628.611	27.680.797.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.067.922.780	582.952.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	11.635.240.390	22.161.382.353
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(19.593.684.050)	(22.888.031.935)
IV. Hàng tồn kho	140		15.571.129.999	19.634.617.582
1. Hàng tồn kho	141	V.5	17.987.857.818	22.051.345.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.416.727.819)	(2.416.727.819)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.518.209.540	3.978.348.498
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.439.436.227	221.653.344
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	78.773.313	3.756.695.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		653.028.200.542	596.097.837.043
I. Tài sản cố định	220		538.270.891.798	559.065.563.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	537.807.475.136	558.682.296.365
- Nguyên giá	222		1.529.787.438.194	1.494.561.551.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(991.979.963.058)	(935.879.255.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	463.416.662	383.266.682
- Nguyên giá	228		1.160.121.550	952.621.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.704.888)	(569.354.868)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		86.275.317.900	19.634.749.851
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	86.275.317.900	19.634.749.851
III. Tài sản dài hạn khác	260		28.481.990.844	17.397.524.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	28.481.990.844	17.397.524.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		715.107.887.578	692.614.383.822



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.770.931.568	265.396.043.581
I. Nợ ngắn hạn	310		146.761.873.088	140.096.143.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	48.392.997.043	36.329.619.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		499.629.804	347.830.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	4.249.871.039	2.455.519.713
4. Phải trả người lao động	314		25.851.089.840	19.535.863.013
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	8.079.514.558	11.686.629.950
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	29.581.774.754	41.935.705.297
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	21.836.658.000	21.836.658.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.270.338.050	5.968.317.064
II. Nợ dài hạn	330		131.009.058.480	125.299.900.522
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12b	2.024.000.000	2.418.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	128.985.058.480	122.881.900.522
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		437.336.956.010	427.218.340.241
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	437.336.956.010	427.218.340.241
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.954.110.000	329.954.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.954.110.000	329.954.110.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.439.280.112	35.117.230.089
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.943.565.898	62.147.000.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối của năm nay	421b		62.943.565.898	62.147.000.152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		715.107.887.578	692.614.383.822


Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Lê Thế Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 07 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	475.000.083.940	456.084.144.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		475.000.083.940	456.084.144.257
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	320.307.710.167	313.566.204.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.692.373.773	142.517.939.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.561.184.245	1.304.215.763
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.291.920.152	9.822.802.508
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.291.920.152	9.822.802.508
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	44.478.561.720	39.072.858.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	33.811.731.442	27.132.841.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.671.344.704	67.793.652.585
11. Thu nhập khác	31	VI.6	686.567.665	11.297.318.283
12. Chi phí khác	32		211.413.197	9.590.789.377
13. Lợi nhuận khác	40		475.154.468	1.706.528.906
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.146.499.172	69.500.181.491
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	7.202.933.274	7.353.181.339
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.943.565.898	62.147.000.152
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.621	1.601
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.621	1.601



Đặng Thị Tien
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

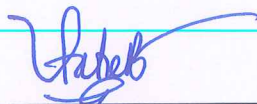


Lê Thế Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 07 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	531.731.812.079	513.763.287.527
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(233.646.681.941)	(213.975.362.591)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(114.789.634.509)	(107.013.769.700)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.904.904.858)	(10.039.019.738)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.200.000.000)	(13.406.629.987)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.081.221.298	8.342.147.857
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(69.271.049.862)	(73.594.893.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.000.762.207	104.075.759.644
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(103.706.347.575)	(72.555.238.643)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(600.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.772.344.587
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.638.086.148	1.442.185.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(102.668.261.427)	(69.340.708.219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	72.442.762.358	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(66.339.604.400)	(23.974.703.952)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.502.900.106)	(33.298.234.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.399.742.148)	(57.272.938.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.067.241.368)	(22.537.887.469)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.366.481.134	67.904.368.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.299.239.766	45.366.481.134



Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Lê Thế Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 07 tháng 02 năm 2026

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 05 năm 2026

Số: 289/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá được ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về mức tiền lương và thù lao năm 2026 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và thư ký công ty, cụ thể như sau:

1. Về tiền lương:

a) Tiền lương của người đại diện chủ sở hữu, trưởng ban kiểm soát. Thực hiện theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước

b) Các thành viên Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát (kiêm nhiệm), thư ký công ty hưởng lương theo phương án phân phối tiền lương của Công ty năm 2026 do Công ty quy định.

2. Mức Thù lao:

a) Thù lao Hội đồng quản trị:

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 đ/người/tháng

- Tiền thù lao 1 năm của thành viên HĐQT không chuyên trách là:

04 người x 3.000.000 đ/người/tháng x 12 tháng = 144.000.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn.)

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 2.000.000 đ/người/tháng

- Tiền thù lao 1 năm của thành viên BKS không chuyên trách là:

02 người x 2.000.000 đ/người/tháng x 12 tháng = 48.000.000 đồng

c) Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2026 là:

144.000.000 đ + 48.000.000 đ = 192.000.000 đ

(Bằng chữ: Một trăm chín hai triệu đồng chẵn.)

Kính trình Đại hội đồng cổ động xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; Ban TGD;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thế Sơn

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025, Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025, số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 39/2025/QĐ-HĐQT ngày 16/6/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 - Đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch SXKD của công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2026.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa trình Đại hội đồng cổ đông Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2026, bao gồm các nội dung khái quát như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025: 329.954.110.000 đồng

- Vốn cổ đông khác 120.030.400.000 đồng bằng 36,38% vốn điều lệ.

- Vốn Nhà nước 209.923.710.000 đồng bằng 63,62% vốn điều lệ.

2. Về phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức năm 2025

2.1. Phân phối lợi nhuận năm 2025:

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 70.146.499.172 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 7.202.933.274 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập: 62.943.565.898 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi = 18.883.069.769 đồng:

- Quỹ đầu tư phát triển: 62.943.565.898 đồng x 15% = 9.441.534.884 đồng;

- Quỹ k/thưởng phúc lợi: 62.943.565.898 đồng x 15% = 9.441.534.885 đồng;

2.2. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (lợi nhuận còn lại):

(Lợi nhuận còn lại: 62.943.565.898 - 18.883.069.769 đ = 44.060.496.129 đồng)

- Cổ đông Nhà nước được hưởng lợi tức (63,62%): 28.031.287.637 đồng;

- Cổ đông khác được hưởng lợi tức (36,38%): 16.029.208.492 đồng;
(Tỷ lệ cổ tức năm 2025: 13,35 %).

3. Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2026:

Vốn điều lệ : 329.954.110.000 đồng

- Vốn cổ đông khác 120.030.400.000 đồng bằng 36,38% vốn điều lệ.

- Vốn Nhà nước 209.923.710.000 đồng bằng 63,62% vốn điều lệ.

3.1. Dự kiến Kết quả hoạt động SXKD năm 2026

a) Doanh thu và thu nhập (Kế hoạch SXKD): 473.809.000.000 đồng

b) Kết quả hoạt động (Kế hoạch SXKD): Lãi 61.500.000.000 đồng

3.2. Dự kiến Phân phối lợi nhuận năm 2026

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 61.500.000.000 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 6.600.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 54.900.000.000 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ công ty:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi: 16.470.000.000 đồng

Trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: 54.500.000.000 đ x 15% = 8.235.000.000 đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 54.500.000.000 đ x 15% = 8.235.000.000 đồng)

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức:

Lợi nhuận còn lại: 54.900.000.000 đ - 16.470.000.000 đ = 38.430.000.000 đồng

3.3. Dự kiến Phân chia cổ tức cho các cổ đông (38.430.000.000 đồng)

Tỷ lệ cổ tức năm 2026: 38.430.000.000 đ : 329.954.110.000 đ = 11,65 %.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Thế Sơn

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Danh sách Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 39/2025/QĐ-HĐQT ngày 16/6/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS);
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá năng lực 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Sau khi đánh giá các đơn vị kiểm toán này, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính Công ty năm 2026:

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế đã được Bộ tài chính và ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(Kèm theo Danh sách 28 Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; Ban TGD;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thế Sơn

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 291/TTr-HĐQT

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua sửa đổi Điều lệ
Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán.
Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa;
Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua Dự thảo sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa (Dự thảo kèm theo).
Toàn văn Dự thảo sửa đổi Điều lệ đã được đăng tại địa chỉ website của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa (www.capnuocthanhhoa.vn)
Điều lệ mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực từ ngày 30/6/2026 và thay thế cho Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; BTGD;
- BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thế Sơn

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025

Căn cứ Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với công ty đại chúng. Tại Nghị định 155/2020NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Căn cứ Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Mẫu Điều lệ áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều lệ dự kiến sửa đổi		Điều lệ hiện hành (ban hành ngày 16/06/2025)		Ghi chú
Chương	Điều	Chương	Điều	
I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ - <i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác - <i>Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần</i> là: a) Giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; b) Giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá	I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ Chưa có thuật ngữ về cổ tức, Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần	Căn cứ theo Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

	xác định đối với phần vốn góp hoặc cổ phần không thuộc điểm a khoản này.”;			
II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty Địa chỉ: Số 99 đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty Địa chỉ: Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông vệ, thành phố Thanh Hoá	Sửa đổi theo đơn vị hành chính hiện hành
VII. Hội đồng quản trị	Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp; khoản 78 Điều 1 NĐ245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành	VII. Hội đồng quản trị	Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp. Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành	Căn cứ theo khoản 78 Điều 1 của NĐ245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 2025 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 của Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Căn cứ theo khoản 79 Điều 1 của NĐ245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 2025 bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020

XIII. Phân phối lợi nhuận	Điều 16. Phân phối lợi nhuận 5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tài sản khác, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	XIII. Phân phối lợi nhuận	Điều 16. Phân phối lợi nhuận 5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Điều chỉnh theo Điều 1 khái niệm về cổ tức